



BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

(QUÍ II NĂM 2011)

I.A.BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT)

Đơn vị tính: VND

STT	Nội dung	30/06/2011	01/01/2011
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	758.440.541.403	842.423.184.682
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	118.483.624.536	106.497.794.903
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	31.970.301.543	36.129.147.943
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	306.782.555.484	379.880.146.892
4	Hàng tồn kho	260.553.823.173	275.187.718.365
5	Tài sản ngắn hạn khác	40.650.236.667	44.728.376.579
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	1.666.994.974.325	1.514.908.308.812
1	Các khoản phải thu dài hạn	4.553.029.609	4.345.621.247
2	Tài sản cố định	736.270.273.893	645.846.282.524
	- Tài sản cố định hữu hình	132.243.390.711	128.930.789.242
	- Tài sản cố định thuê tài chính	5.986.287.185	6.891.006.551
	- Tài sản cố định vô hình	47.556.287.577	48.143.363.719
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	550.484.308.420	461.881.123.012
3	Bất động sản đầu tư	168.939.975.720	96.391.944.455
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn theo chiến lược kinh doanh	673.331.711.693	687.287.495.371
5	Tài sản dài hạn khác	83.899.983.410	81.036.965.215
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	2.425.435.515.728	2.357.331.493.494
IV	NỢ PHẢI TRẢ	1.573.691.193.566	1.477.197.357.737
1	Nợ ngắn hạn	788.420.133.186	884.881.654.531
2	Nợ dài hạn	785.271.060.380	592.315.703.206
V	VỐN CHỦ SỞ HỮU	704.465.231.534	732.725.216.830
1	Vốn chủ sở hữu	704.465.231.534	732.725.216.830
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	249.955.730.000	249.955.730.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	317.064.858.303	317.064.858.303
	- Vốn khác của chủ sở hữu	-	-
	- Cổ phiếu quỹ	(690.474.358)	(690.474.358)
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	5.149.551.311	5.093.483.305
	- Các quỹ	33.723.019.668	28.226.535.694
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	99.262.546.610	133.075.083.886
	- Vốn đầu tư XDCB	-	-
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-
	- Nguồn kinh phí	-	-
	- Nguồn kinh phí đa hình thành TSCĐ	-	-
VI	LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	147.279.090.628	147.408.918.927
VII	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	2.425.435.515.728	2.357.331.493.494

**SAVICO**

Saigon General Service Corporation

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT****(QUÝ II NĂM 2011)****KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (HỢP NHẤT)**

DVT: đồng

STT	CHỈ TIÊU	Quý II/2011	Quý II/2010	Lũy kế	
				2011	2010
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.205.353.236.311	936.293.255.552	2.462.950.873.879	1.700.487.250.587
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	3.656.057.835	2.897.645.848	5.482.098.948	5.756.654.731
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.201.697.178.476	933.395.609.704	2.457.468.774.931	1.694.730.595.856
4	Giá vốn hàng bán	1.114.455.082.047	877.531.635.307	2.279.654.648.530	1.587.651.626.418
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	87.242.096.429	55.863.974.397	177.814.126.401	107.078.969.438
6	Doanh thu hoạt động tài chính	17.586.663.275	13.794.756.795	21.308.079.377	16.158.070.800
7	Chi phí tài chính	38.746.639.576	3.443.181.786	67.965.323.031	14.525.811.471
8	Chi phí bán hàng	28.357.962.494	23.074.833.238	61.172.408.328	42.379.176.087
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	30.381.220.842	22.228.661.226	59.876.177.440	38.134.377.304
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	7.342.936.792	20.912.054.942	10.108.296.979	28.197.675.376
11	Thu nhập khác	9.149.450.766	4.457.603.883	19.817.759.037	11.545.004.464
12	Chi phí khác	1.115.566.881	364.298.858	1.424.833.310	1.324.743.543
13	Lợi nhuận khác	8.033.883.885	4.093.305.025	18.392.925.727	10.220.260.921
14	Thu nhập/(lỗ) từ công ty liên kết, liên doanh	(421.771.850)	(1.045.274.621)	2.105.289.247	2.713.503.271
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.955.048.827	23.960.085.346	30.606.511.953	41.131.439.568
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.089.710.706	3.641.857.135	11.984.695.687	7.304.651.777
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	466.351.559	-	466.351.559
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (18 = 15 – 16 - 17)	9.865.338.121	19.851.876.652	18.621.816.266	33.360.436.232
19	<i>Thu nhập thuộc các cổ đông thiểu số</i>	7.648.793.434	1.755.449.042	14.551.387.010	5.596.754.500
20	<i>Thu nhập thuộc các cổ đông của công ty mẹ (20 = 18 - 19)</i>	2.216.544.687	18.096.427.610	4.070.429.256	27.763.681.731
21	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	89	724	163	1.111
22	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu				

Ngày 20 tháng 07 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC**Nguyễn Vinh Thọ**